

Số: /TTr-UBND

Krông Nô, ngày tháng năm 2024

**TỜ TRÌNH**

**Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách cấp huyện**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Krông Nô

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, ngày 06 tháng 4 năm 2020 của chính phủ, về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 146/NQ-HĐND ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc Thông qua kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn (nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương) giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Krông Nô về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc bổ sung dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2024 để thực hiện khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt kế hoạch ứng vốn năm 2024 từ nguồn vốn Quỹ Bảo vệ môi trường và Phát triển đất;

Thực hiện quy định tại khoản 8 Điều 67 của Luật Đầu tư công như sau:

“7. Hội đồng nhân dân các cấp điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách địa phương trong các trường hợp sau đây:

a) Do điều chỉnh mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

b) Do thay đổi đột biến về cân đối thu ngân sách địa phương hoặc khả năng huy động các nguồn vốn của địa phương;

c) Do thay đổi nhu cầu sử dụng hoặc khả năng triển khai thực hiện vốn kế hoạch hằng năm giữa các cơ quan, đơn vị của địa phương.”

Với quy định trên để đảm bảo việc quản lý kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn theo đúng quy định, Ủy ban nhân dân huyện báo cáo Hội đồng nhân dân huyện xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách cấp huyện như sau:

### **I. Điều chỉnh tổng thể kế hoạch vốn**

**1. Trước điều chỉnh:** Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách cấp huyện năm 2024: 479.693 triệu đồng, gồm:

- (1). Nguồn vốn tỉnh phân cấp theo điểm số phân bổ: 81.457 triệu đồng.
- (2). Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất: 263.076 triệu đồng.
- (3). Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi thường xuyên và tỉnh hỗ trợ: 48.018 triệu đồng.
- (4). Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ thực hiện đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho lực lượng công an xã chính quy theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022: 15.000 triệu đồng.
- (5). Nguồn ứng Quỹ Bảo vệ môi trường và Phát triển đất tỉnh: 72.142 triệu đồng.

**2. Sau điều chỉnh:** Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách cấp huyện năm 2024: 515.951 triệu đồng, gồm:

- (1). Nguồn vốn tỉnh phân cấp theo điểm số phân bổ: 81.457 triệu đồng.
- (2). Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất: 263.076 triệu đồng.
- (3). Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi thường xuyên và tỉnh hỗ trợ: 48.018 triệu đồng.
- (4). Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ thực hiện đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho lực lượng công an xã chính quy theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022: 15.000 triệu đồng.
- (5). Nguồn vốn khắc phục hậu quả thiên tai tỉnh bổ sung tại Quyết định số 219/QĐ-UBND ngày 07/3/2024 của UBND tỉnh: 28.600 triệu đồng.
- (6). Nguồn ứng Quỹ Bảo vệ môi trường và Phát triển đất tỉnh: 79.800 triệu đồng.

*(Chi tiết theo phụ biểu số 01,02 đính kèm)*

**3. Lý do điều chỉnh:** Bổ sung tăng kế hoạch vốn đầu tư ngân sách cấp huyện từ nguồn tỉnh bổ sung tại Quyết định số 219/QĐ-UBND ngày 07/3/2024 của UBND tỉnh: 28.600 triệu đồng và Quỹ Bảo vệ môi trường và Phát triển đất tỉnh tại Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 01/7/2024: 7.658 triệu đồng.

### **II. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn chi tiết từng nguồn vốn.**

**1. Điều chỉnh giảm:** 9.750 triệu đồng, bao gồm: Nguồn vốn tỉnh phân cấp theo điểm số là 104 triệu đồng, nguồn vốn thu tiền sử dụng đất là 7.852 triệu

đồng, nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và nguồn tinh hỗ trợ là 1.794 triệu đồng, cụ thể như sau:

**1.1.** Nguồn vốn tinh phân cấp theo điểm số 104 triệu đồng của 01 công trình, bao gồm:

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn công trình: Trường tiểu học Trần Quốc Toàn, hạng mục: Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng, với số tiền là 104 triệu đồng. Công trình đã quyết toán hoàn thành.

**1.2.** Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất: 7.852 triệu đồng, của 6 công trình, bao gồm:

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn công trình: Trường Mầm non Hướng Dương, hạng mục: Nhà hiệu bộ, với số tiền 97 triệu đồng. Công trình đã quyết toán hoàn thành.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn công trình: Đường từ thôn Xuyên Hà đến công ngầm Đắc Nang, với số tiền 97 triệu đồng. Chủ đầu tư báo cáo không có khả năng giải ngân hết kế hoạch vốn.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của công trình: Chinh trang khu dân cư đô thị (khu vực nhà ông Cát), với số tiền 3.530 triệu đồng. Lý do, đã bố trí từ nguồn ứng Quỹ Bảo vệ môi trường và Phát triển đất tỉnh tại Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 01/7/2024 của UBND tỉnh.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của công trình: Trung tâm xã Đức Xuyên, với số tiền 2.000 triệu đồng. Lý do: Đã bố trí từ nguồn ứng Quỹ Bảo vệ môi trường và Phát triển đất tỉnh tại Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 01/7/2024 của UBND tỉnh.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của công trình: Trung tâm xã Đắc Nang, với số tiền 2.128 triệu đồng. Lý do, đã bố trí từ nguồn ứng Quỹ Bảo vệ môi trường và Phát triển đất tỉnh tại Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 01/7/2024 của UBND tỉnh.

**1.3.** Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và tinh hỗ trợ: 1.794 triệu đồng của 02 công trình, bao gồm:

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn công trình: Trường TH Lê Văn Tám (Điểm chính) với số tiền là 194 triệu đồng. Lý do tăng nguồn vốn thu tiền sử dụng đất do các công trình bố trí thanh toán nợ từ nguồn thu tiền sử dụng đất không sử dụng hết chuyển sang.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của công trình: Trường TH Phan Bội Châu (phân hiệu 38), với số tiền 1.600 triệu đồng. Lý do: Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi không đảm bảo, để điều chỉnh tăng từ nguồn bán đấu giá quyền sử dụng đất từ công trình: Chinh trang khu dân cư đô thị (khu vực nhà ông Cát) giảm.

**2. Điều chỉnh tăng:** 46.008 triệu đồng, trong đó: Nguồn vốn điều chỉnh giảm từ các công trình là 9.750 triệu đồng, tăng nguồn vốn khắc phục hậu quả

thiên tai tình bổ sung tại Quyết định số 219/QĐ-UBND ngày 07/3/2024 là 28.600 triệu đồng, nguồn ứng Quỹ Bảo vệ môi trường và Phát triển đất tỉnh tại Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 01/7/2024 là 47.300 triệu đồng, (trong đó: Chinh trang khu dân cư đô thị (khu vực nhà ông Cát), với số tiền 28.000 triệu đồng; Trung tâm xã Đức Xuyên, với số tiền 9.000 triệu đồng; Trung tâm xã Đắc Nang, với số tiền 10.300 triệu đồng) đã dự kiến bố trí tại Nghị quyết số 190/NQ-HĐND ngày 18/12/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Krông Nô là 39.642 triệu đồng (trong đó: Chinh trang khu dân cư đô thị (khu vực nhà ông Cát): 24.470 triệu đồng; Trung tâm xã Đức Xuyên: 7.000 triệu đồng, Trung tâm xã Đắc Nang: 8.128 triệu đồng), còn lại là 7.658 triệu đồng bổ sung vào danh mục trung hạn cho các công trình, cụ thể như sau:

**2.1.** Nguồn vốn tỉnh phân cấp: 104 triệu đồng từ nguồn điều chỉnh giảm các công trình trên để bổ sung cho 02 danh mục công trình, cụ thể như sau:

- Bổ sung kế hoạch vốn cho các công trình: Trường TH Lê Văn Tám (phân hiệu Tân Lập), hạng mục: Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng và trang thiết bị, với số tiền 24 triệu đồng, để thanh toán nợ và tất toán công trình.

- Bổ sung kế hoạch vốn cho công trình: Trụ sở làm việc Công an xã Đắc Sôr, với số tiền là 80 triệu đồng, (bổ sung thêm kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025).

**2.2.** Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất: 7.852 triệu đồng cho 06 danh mục công trình từ nguồn điều chỉnh giảm từ các công trình trên, cụ thể như sau:

- Bổ sung kế hoạch vốn cho công trình: Trường TH Lê Văn Tám (điểm chính), hạng mục: nhà lớp học 8 phòng 2 tầng, với số tiền 194 triệu đồng, (bổ sung kế hoạch vốn trong giai đoạn 2021 - 2025).

- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn cho công trình: Trường TH Phan Bội Châu (phân hiệu 38), với số tiền 1.600 triệu đồng. Do công trình rất cấp thiết cần đầu tư.

- Bổ sung kế hoạch vốn cho công trình: Đường Võ Văn Kiệt, Trần Hưng Đạo, hạng mục: Nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước, hệ thống điện, với số tiền là 96 triệu đồng, (bố trí đủ kế hoạch vốn trong giai đoạn 2021-2025).

- Bổ sung kế hoạch vốn cho công trình: Nâng cấp tuyến kênh từ kênh chính vào khu tưới nhà ông Đoàn Văn Dự, với số tiền là 179 triệu đồng, (bố trí đủ kế hoạch vốn trong giai đoạn 2021-2025).

- Bổ sung kế hoạch vốn cho công trình: Trung tâm Văn hoá - Thể thao huyện Krông Nô, với số tiền là 4.783 triệu đồng, (bổ sung thêm kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025).

- Bổ sung kế hoạch vốn cho công trình: Nâng cấp mở rộng bãi rác tại Bãi chôn lấp, xử lý rác thải rắn huyện Krông Nô, với số tiền là 1.000 triệu đồng, (bố trí đủ kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025).

**2.3.** Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và tỉnh hỗ trợ: 1.794 triệu đồng cho 01 danh mục công trình từ nguồn điều chỉnh giảm từ các công trình trên, cụ thể như sau:

- Bổ sung kế hoạch vốn cho công trình: Trường tiểu học Trần Quốc Toàn với số tiền là 1.794 triệu đồng do công trình cấp thiết cần đầu tư.

**2.4.** Bổ sung nguồn vốn khắc phục hậu quả thiên tai tỉnh bổ sung tại Quyết định số 219/QĐ-UBND ngày 07/3/2024 là 28.600 triệu đồng cho 02 công trình, cụ thể:

- Bổ sung kế hoạch vốn công trình: Khắc phục tình trạng sạt lở khu dân cư vùng trọng điểm lương thực dọc suối Đắc Nang, với số tiền là 26.600 triệu đồng, để khắc phục tình trạng sạt lở dọc suối Đắc Nang.

- Bổ sung kế hoạch vốn công trình: Khắc phục sạt lở tại hồ thị trấn Đắc Mâm, với số tiền là 2.000 triệu đồng để khắc phục sạt lở tại hồ thị trấn Đắc Mâm.

**2.5.** Bổ sung nguồn vốn nguồn ứng Quỹ Bảo vệ môi trường và Phát triển đất tỉnh với số tiền là 7.658 triệu đồng từ Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 01/7/2024 (sau khi trừ đi số đã bố trí Nghị quyết số 190/NQ-HĐND ngày 18/12/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Krông Nô là 39.642 triệu đồng) cho các công trình, cụ thể:

- Bổ sung kế hoạch vốn công trình: Chính trang khu dân cư đô thị (khu vực nhà ông Cát), với số tiền 3.530 triệu đồng, để thực hiện đầu tư công trình.

- Bổ sung kế hoạch vốn công trình: Trung tâm xã Đức Xuyên, với số tiền 2.000 triệu đồng, để thực hiện đầu tư công trình, để thực hiện đầu tư công trình.

Bổ sung kế hoạch vốn công trình: Trung tâm xã Đắc Nang, với số tiền 2.128 triệu đồng, để thực hiện đầu tư công trình.

*(Chi tiết theo phụ biểu 01, 02 đính kèm)*

Với những nội dung như trên, UBND huyện kính trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, quyết nghị./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Đăng Ánh**

=

**PHỤ BIỂU 01**  
**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN**  
**GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 theo NQ số 78/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	Điều chỉnh kế hoạch vốn gian đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
			Giảm	Tăng		
1	2	3	4	5	6	7
	<b>TỔNG SỐ (1+2+3+4+5+6)</b>	<b>479.693</b>	<b>9.750</b>	<b>46.008</b>	<b>515.951</b>	
<b>1</b>	<b>Vốn tính phân cấp theo điểm số phân bổ</b>	<b>81.457</b>	<b>104</b>	<b>104</b>	<b>81.457</b>	
	Trong đó:					
-	Bổ trí thanh toán nợ các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020	7.583	-	-	7.583	
-	Bổ trí các dự án, công trình mở mới	73.874	104	104	73.874	
-	Nguồn vốn dự phòng theo quy định của Luật Đầu tư công	-	-	-	0	
<b>2</b>	<b>Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất</b>	<b>263.076</b>	<b>7.852</b>	<b>7.852</b>	<b>263.076</b>	
	Trong đó:					
-	Bổ trí thanh toán nợ các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020	5.379	-	-	5.379	
-	Bổ trí các dự án, công trình mở mới	122.103	7.852	7.852	122.103	
-	Trích lập Quỹ phát triển đất (20%) và hoàn trả tiền đầu tư các công trình để chuyển về Quy bảo vệ môi trường và Phát triển đất tỉnh	66.420	-	-	66.420	
-	Hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn các xã	69.174	-	-	69.174	
-	Nguồn vốn dự phòng theo quy định của Luật Đầu tư công	-	-	-	0	
<b>3</b>	<b>Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và tỉnh hỗ trợ</b>	<b>48.018</b>	<b>1.794</b>	<b>1.794</b>	<b>48.018</b>	
<b>4</b>	<b>Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ thực hiện đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho lực lượng công an xã chính quy theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022</b>	<b>15.000</b>		<b>-</b>	<b>15.000</b>	
<b>5</b>	<b>Nguồn vốn khắc phục hậu quả thiên tai tỉnh bổ sung tại Quyết định số 219/QĐ-UBND ngày 07/3/2024</b>			<b>28.600</b>	<b>28.600</b>	
<b>6</b>	<b>Nguồn ứng quỹ Bảo vệ môi trường và Phát triển đất</b>	<b>72.142</b>		<b>7.658</b>	<b>79.800</b>	
<b>7</b>	<b>Danh mục các dự án cấp thiết đầu tư nhưng chưa cân đối được nguồn vốn</b>	<b>310.070</b>	<b>5.000</b>	<b>-</b>	<b>305.070</b>	Chưa cân đối được nguồn vốn

**PHỤ BIỂU 02**  
**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Dan h mục dự án	Địa đi ểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMBĐT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 190/NQ-HĐND ngày 18/12/2023			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMBĐT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
	<b>TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V+VI)</b>				<b>860.524</b>	<b>479.693</b>	<b>9.750</b>	<b>46.008</b>	<b>891.624</b>	<b>515.951</b>	
<b>I</b>	<b>VỐN ĐẦU TƯ TÍNH PHÂN CẤP</b>				<b>150.518</b>	<b>81.457</b>	<b>104</b>	<b>104</b>	<b>150.518</b>	<b>81.457</b>	
<b>1</b>	<b>Thanh toán nợ các Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 đến năm 2020 sang giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025</b>				<b>34.607</b>	<b>7.583</b>	-	-	<b>34.607</b>	<b>7.583</b>	
<b>1.1</b>	<b>Lĩnh vực giáo dục và đào tạo</b>				<b>18.908</b>	<b>2.676</b>	-	-	<b>18.908</b>	<b>2.676</b>	
1.1.1	Trường THCS Nam Đà	Xã Nam Đà	Xây mới thêm 10 phòng học 2 tầng, thiết bị	3021/QĐ ngày 31/10/2018	4.932	403			4.932	403	
1.1.2	Trường TH Nguyễn Thị Minh Khai	Xã Đăk Drô	Xây dựng 03 phòng học và nhà hiệu bộ	3287/QĐ ngày 13/11/2019	4.509	1.689			4.509	1.689	
1.1.3	Trường TH Kim Đồng	Xã Năm N'Đir	Nhà lớp học 10 phòng 2 tầng	3019/QĐ ngày 31/10/2018	4.467	340			4.467	340	
1.1.4	Trường Tiểu học Lê Lợi, xã Năm Xuân	Xã Năm Xuân	Nhà lớp học 08 phòng, 2 tầng.	2197/QĐ-UBND ngày 17/8/2020	5.000	244			5.000	244	
<b>1.2</b>	<b>Lĩnh vực giao thông</b>				<b>2.833</b>	<b>373</b>	-	-	<b>2.833</b>	<b>373</b>	
1.2.1	Nâng cấp mở rộng tuyến đường huyện Đăk Mâm - Năm Nung - Năm N'đir (đoạn trung tâm xã Năm Nung)	Xã Năm Nung	Nâng cấp mở rộng 2km mặt đường láng nhựa	3011/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	2.833	373			2.833	373	
<b>1.3</b>	<b>Lĩnh vực Thủy lợi</b>				<b>3.564</b>	<b>973</b>	-	-	<b>3.564</b>	<b>973</b>	
1.3.1	Kè Chống sạt lở suối Đăk Nang	Xã Đăk Nang	800 m	2950/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	2.200	204			2.200	204	
1.3.2	Trạm bơm điện bon Choih xã Đứ c Xuyên	Xã Đứ c Xuyên		2049/QĐ-UBND ngày 27/7/2020	1.364	769			1.364	769	
<b>1.4</b>	<b>Lĩnh vực Quản lý Nhà nước</b>				<b>9.302</b>	<b>3.561</b>	-	-	<b>9.302</b>	<b>3.561</b>	
1.4.1	Trụ sở xã Đứ c Xuyên	Xã Đứ c Xuyên	Xây dựng trụ sở	2953/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	9.302	3.561			9.302	3.561	
<b>2</b>	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025</b>				<b>115.911</b>	<b>73.874</b>	<b>104</b>	<b>104</b>	<b>115.911</b>	<b>73.874</b>	
<b>2.1</b>	<b>Lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề</b>				<b>31.048</b>	<b>20.395</b>	<b>104</b>	<b>24</b>	<b>31.048</b>	<b>20.315</b>	

STT	Dan h mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMBĐT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 190/NQ-HĐND ngày 18/12/2023			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMBĐT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
2.1.1	Trường THCS Tân Thành	Xã Tân Thành	Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng	2952/QĐ-UBND ngày 09/11/2020	4.000	3.910			4.000	3.910	
2.1.2	Trường THCS Quảng Phú	Xã Quảng Phú	Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng	3301/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	4.500	3.260			4.500	3.260	
2.1.3	Trường TH Lê Văn Tám (phân hiệu Tân Lập)	Xã Năm Nung	Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng và trang thiết bị	5046/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	3.700	3.383		24	3.700	3.407	
2.1.4	Trường THCS Năm Nung	Xã Năm Nung	Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng và trang thiết bị	4878/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	3.700	3.573			3.700	3.573	
2.1.5	Trường tiểu học Trần Quốc Toàn	Xã Tân Thành	Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng	214/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	3.700	3.670	104		3.700	3.566	Giảm KH vốn do giá trị quyết toán công trình hoàn thành giảm
2.1.6	Trần TH Trần Phú	TT Đăk Mâm	Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng		4.500	2.156			4.500	2.156	Lồng ghép với nguồn bán đấu giá quyền sử dụng đất là 2.250 trđ
2.1.7	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên huyện Krông Nô, hạng mục: Nâng cấp sửa chữa trụ sở và mua sắm trang thiết bị.	TT Đăk Mâm	Nâng cấp sửa chữa trụ sở và mua sắm trang thiết bị.	2965/QĐ-UBND ngày 14/11/2022	2.239	142			2.239	142	
2.1.8	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên huyện Krông Nô, hạng mục: Nâng cấp sửa chữa trụ sở và mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo nghề.	TT Đăk Mâm	Nâng cấp sửa chữa trụ sở và mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo nghề.	96/NQ-HĐND ngày 29/7/2022	4.709	301			4.709	301	
<b>2.2.</b>	<b>Lĩnh vực văn hoá</b>				<b>10.000</b>	<b>3.805</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>10.000</b>	<b>3.805</b>	
2.2.1	Nhà văn hoá xã Buôn Choah	Xã Buôn Choah	Hội trường 200 chỗ ngồi	243/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	3.000	1.455			3.000	1.455	
2.2.2	Nhà văn hoá xã Đăk Nang	Xã Đăk Nang	Hội trường 200 chỗ ngồi	94/NQ-HĐND ngày 29/7/2022	3.000	1.350			3.000	1.350	
2.2.3	Công chào điện tử, công hoa trang trí, cụm đèn led trang trí khu vực thị trấn Đăk Mâm	TT Đăk Mâm	Xây dựng 01 công chào điện tử; 03 công hoa, 02 cụm đèn led trang trí	90/NQ-HĐND ngày 29/7/2022	4.000	1.000			4.000	1.000	
<b>2.3</b>	<b>Lĩnh vực giao thông</b>				<b>16.190</b>	<b>12.098</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>16.190</b>	<b>12.098</b>	
2.3.1	Nâng cấp mở rộng đường giao thông vào hội trường thôn Đăk Vượng	TT Đăk Mâm	Nâng cấp, cải tạo 600m đường giao thông nông thôn, cấp B.	245/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.400	1.366			1.400	1.366	
2.3.2	Đường giao thông nông thôn bon Yôk Rlinh	TT Đăk Mâm	Nâng cấp 650m đường giao thông nông thôn, cấp B.	224/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.300	1.200			1.300	1.200	



STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMBĐT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 190/NQ-HĐND ngày 18/12/2023			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMBĐT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
2.3.3	Đường thôn Nam Hợp đi suối Bong	xã Nam Xuân	BT 2 km, nền đường	4720/QĐ-UBND ngày 10/11/2021	4.990	4.962			4.990	4.962	
2.3.4	Nâng cấp đường từ Quốc lộ 28 (thôn Nam Cường) đi thôn Nam Thuận, xã Nam Đà	Xã Nam Đà	Nâng cấp 2,5km đường giao thông nông thôn, cấp A	236/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	8.500	4.570			8.500	4.570	
<b>2.4</b>	<b>Lĩnh vực cấp, thoát nước</b>				<b>16.996</b>	<b>11.828</b>	-	-	<b>16.996</b>	<b>11.828</b>	
2.4.1	Công trình cấp nước tập trung thôn Đăk Sơn	Xã Nam Xuân	Cấp nước 200 hộ	5145/QĐ-UBND ngày 20/12/2021	4.996	4.823			4.996	4.823	
2.4.2	Công trình cấp nước Bon Đăk Prí, xã Nam N'Dir	xã Nam N'Dir	Cấp nước 350 hộ	235/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	7.000	4.955			7.000	4.955	
2.4.3	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung thôn Buôn Choah, xã Buôn Choah	Xã Buôn Choah	Xây mới công trình cấp nước cho khoảng 250 hộ dân	88/NQ-HĐND ngày 29/7/2022	5.000	2.050			5.000	2.050	
<b>2.5</b>	<b>Lĩnh vực Thủy lợi</b>				<b>6.800</b>	<b>5.010</b>	-	-	<b>6.800</b>	<b>5.010</b>	
2.5.1	Trạm bơm điện thôn Ninh Giang, xã Buôn Choah	Xã Buôn Choah	Tưới bổ trợ cho 40 ha	234/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	5.000	3.300			5.000	3.300	
2.5.2	Kênh chính và kênh đất cánh đồng bon Choih	Xã Đức Xuyên	Nâng cấp sửa chữa 1.300m kênh	233/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.800	1.710			1.800	1.710	
<b>2.6</b>	<b>Lĩnh vực hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể</b>				<b>1.089</b>	<b>1.028</b>	-	-	<b>1.089</b>	<b>1.028</b>	
2.6.1	Trụ sở làm việc HĐND&UBND huyện	TT Đăk Mâm	Nâng cấp, sửa chữa kho lưu trữ của huyện	3106/QĐ-UBND ngày 02/12/2020	1.089	1.028			1.089	1.028	
<b>2.7</b>	<b>Lĩnh vực An ninh - Quốc phòng</b>				<b>33.787</b>	<b>19.710</b>	-	<b>80</b>	<b>33.787</b>	<b>19.790</b>	
2.7.1	Trụ sở làm việc Công an xã Đăk Drô	Xã Đăk Drô	Trụ sở làm việc cấp IV, 01 tầng	5066/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	2.000	1.965			2.000	1.965	
2.7.2	Trụ làm việc Công an xã Nam Nung	Xã Nam Nung	Trụ sở làm việc cấp IV, 01 tầng	4703/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	2.000	1.965			2.000	1.965	
2.7.3	Trụ sở làm việc Công an xã Nam Xuân	Xã Nam Xuân	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	2582/QĐ-UBND ngày 13/9/2023	3.500	1.900			3.500	1.900	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMBĐT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 190/NQ-HĐND ngày 18/12/2023			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMBĐT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
2.7.4	Trụ sở làm việc Công an xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	86/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	3.500	1.800			3.500	1.800	
2.7.5	Trụ sở làm việc Công an xã Đắc Sôr	Xã Đắc Sôr	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	89/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	3.500	1.729		80	3.500	1.809	Bổ sung KH vốn để bố trí đủ vốn cho công trình
2.7.6	Trụ sở làm việc Công an xã Nam Đà	Xã Nam Đà	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	2369/QĐ-UBND ngày 21/8/2023	3.500	1.950			3.500	1.950	
2.7.7	Trụ sở làm việc Công an xã Buôn Choah	Xã Buôn Choah	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	2702/QĐ-UBND ngày 27/9/2023	3.500	1.900			3.500	1.900	
2.7.8	Trụ sở làm việc Công an xã Năm N'Điir	Xã Năm N'Điir	Bồi thường giải phóng mặt bằng và các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	85/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	4.300	1.950			4.300	1.950	
2.7.9	Trụ sở làm việc Công an xã Đắc Nang	Xã Đắc Nang	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	84/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	3.500	1.000			3.500	1.000	
2.7.10	Nhà làm việc xã đội Năm Nung	Xã Năm Nung	Nhà làm việc cấp IV	5067/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	987	960			987	960	
2.7.11	Nhà làm việc xã đội xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên	Nhà làm việc cấp IV	3203/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	1.000	941			1.000	941	
2.7.12	Nhà làm việc xã đội xã Đắc Nang	Xã Đắc Nang	Nhà làm việc cấp IV	216/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.000	950			1.000	950	
2.7.13	Trụ sở làm việc công an xã Quảng Phú, hạng mục: Sửa chữa, cải tạo.	Xã Quảng Phú	Sửa chữa, cải tạo.	93/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	1.500	700			1.500	700	
<b>II</b>	<b>NGUỒN VỐN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT</b>				<b>532.606</b>	<b>263.076</b>	<b>7.852</b>	<b>7.852</b>	<b>532.606</b>	<b>263.076</b>	
<b>1</b>	<b>Trích lập Quỹ phát triển đất (20%) và hoàn trả tiền đầu tư các công trình để chuyển chuyển về Quy bảo vệ môi trường và Phát triển đất tỉnh</b>					<b>136.920</b>	<b>66.420</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>136.920</b>	<b>66.420</b>
1.1	Trích lập Quỹ phát triển đất (20%)					45.001	45.001			45.001	45.001
1.2	Hoàn trả nguồn vốn đền bù Trụ sở Ban chỉ huy Quân sự huyện (đợt 1)					6.819	6.819			6.819	6.819

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMBĐT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 190/NQ-HĐND ngày 18/12/2023			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMBĐT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
1.3	Hoàn trả tiền ứng để đầu tư công trình Chính trang khu dân cư đô thị (khu vực nhà ông Cát)				33.300	5.000			33.300	5.000	
1.4	Hoàn trả tiền ứng để đầu tư công trình Trung tâm xã Đức Xuyên				9.000	1.400			9.000	1.400	
1.5	Hoàn trả tiền ứng để đầu tư công trình Trung tâm xã Đắc Nang				10.300	1.700			10.300	1.700	
1.6	Hoàn trả tiền ứng để đầu tư Trung tâm xã Nam Đà				32.500	6.500			32.500	6.500	
2	<b>Hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn các xã</b>	Toàn huyện			<b>69.174</b>	<b>69.174</b>			<b>69.174</b>	<b>69.174</b>	
3	<b>Thanh toán nợ các Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 đến năm 2020 sang giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025</b>				<b>28.485</b>	<b>5.379</b>	-	-	<b>28.485</b>	<b>5.379</b>	
3.1	<b>Lĩnh vực giáo dục và đào tạo</b>				<b>6.700</b>	<b>445</b>	-	-	<b>6.700</b>	<b>445</b>	
3.1.1	Trường TH Nguyễn Viết Xuân, xã Buôn Chóah	Buôn Choah	Công, tường rào, sân bê tông và nhà vệ sinh	3286/QĐ ngày 13/11/2019	1.500	120			1.500	120	
3.1.2	Trường THCS Buôn Choah	Xã Buôn Choah	08 phòng học 2 tầng	2954, ngày 29/10/2019	5.200	325			5.200	325	
3.2	<b>Lĩnh vực giao thông</b>				<b>12.483</b>	<b>1.315</b>	-	-	<b>12.483</b>	<b>1.315</b>	
3.2.1	Đường B1, B2, B4, Đ10E, N3 nối dài	TT Đắc Mâm	1.200 m nhựa, HTTN	3016, ngày 31/10/2018	6.850	67			6.850	67	
3.2.2	Nâng cấp đường giao thông nội bon Broih, thị trấn Đắc Mâm	TT Đắc Mâm	Nền, móng, mặt đường và HTTN	3021/QĐ-UBND ngày 21/10/2019	1.000	200			1.000	200	
3.2.3	Đường vào Trụ sở Ban CHQS huyện	TT Đắc Mâm	Đền bù GPMB; Nền, mặt đường láng nhựa và HTTN, chiều dài 207m	2690/QĐ-UBND ngày 12/10/2020	4.633	1.048			4.633	1.048	
3.3	<b>Lĩnh vực hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể</b>				<b>9.302</b>	<b>3.619</b>	-	-	<b>9.302</b>	<b>3.619</b>	
3.3.1	Trụ sở xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên	Xây dựng trụ sở	2953/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	9.302	3.619			9.302	3.619	
4	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025</b>				<b>298.026</b>	<b>122.103</b>	<b>7.852</b>	<b>7.852</b>	<b>298.026</b>	<b>122.103</b>	
4.1	<b>Lĩnh vực giáo dục và đào tạo</b>				<b>28.584</b>	<b>13.541</b>	<b>97</b>	<b>1.794</b>	<b>28.584</b>	<b>15.238</b>	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMBĐT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 190/NQ-HĐND ngày 18/12/2023			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMBĐT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
4.1.1	Trường THCS Quảng Phú	Xã Quảng Phú	Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng	3301/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	4.500	1.191			4.500	1.191,00	
4.1.2	Trường MN Hoa Pơ Lang	Xã Năm Nung	Nhà hiệu bộ	5069/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	2.484	2.474			2.484	2.474,00	
4.1.3	Trường THCS Lý Tự Trọng	Xã Nam Xuân	Nhà tập đa năng	5152/QĐ-UBND ngày 20/12/2021	3.500	3.389			3.500	3.389,00	
4.1.4	Trường Mầm Non Hướng Dương	Xã Tân Thành	Nhà hiệu bộ	212/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	2.500	2.352	97		2.500	2.255	Giảm KHV do giảm thầu, chi phí dự phòng
4.1.5	Trường THCS Năm N'Đir	Xã Năm N'Đir	Nâng cấp, mở rộng 8 phòng 2 tầng	1738/QĐ-UBND ngày 22/6/2022	5.000	785			5.000	785	
4.1.6	Trường TH Trần Phú	TT Đăk Mâm	Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng		4.500	2.250			4.500	2.250	Lồng ghép với nguồn tỉnh phân cấp là 2.156 triệu đồng
4.1.7	Trường TH Lê Văn Tám (Điểm chính)	Xã Năm Nung	Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng		4.500	1.100		194	4.500	1.294	Bổ sung kế hoạch vốn và lồng ghép với vốn tăng thu, tiết kiệm chi với số tiền là 2.925 trđ
4.1.8	Trường TH Phan Bội Châu (phân hiệu 38)	Xã Năm N'Đir	Nhà lớp học 2 phòng		1.600			1.600	1.600	1.600	
<b>4.2</b>	<b>Lĩnh vực Văn hóa</b>				<b>30.000</b>	<b>10.000</b>	<b>-</b>	<b>4.783</b>	<b>30.000</b>	<b>14.783</b>	
4.2.1	Trung tâm Văn hoá - Thể thao huyện Krông Nô	TT Đăk Mâm	Nhà văn hoá trung tâm: Công trình dân dụng, cấp III (2 tầng); Các hạng mục phụ trợ khác gồm: Bê bơi ngoài trời; Sân thể thao; Nhà bảo vệ, nhà xe, Sân đường nội bộ, hoa viên, công nghệ; Hạ tầng kỹ thuật khác và Trang thiết bị	199/NQ-HĐND ngày 18/12/2023	30.000	10.000		4.783	30.000	14.783	Bổ sung KH vốn để bố trí đủ vốn cho công trình
<b>4.3</b>	<b>Lĩnh vực giao thông</b>				<b>63.000</b>	<b>19.391</b>	<b>97</b>	<b>96</b>	<b>63.000</b>	<b>19.390</b>	
4.3.1	Đường từ thôn Xuyên Hà đến cống ngầm Đăk Nang	Xã Đứk Xuyên	Nâng cấp 2km đường giao thông nông thôn, cấp B.	232/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	4.000	4.000	97		4.000	3.903	
4.3.2	Đường Võ Văn Kiệt, Trần Hưng Đạo, Hạng mục: Nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước, hệ thống điện		Nâng cấp, cải tạo 0,7km đường đô thị.	93/NQ-HĐND ngày 29/7/2022	7.000	6.904		96	7.000	7.000	Tăng KH vốn để bố trí đủ vốn cho công trình
4.3.3	Nâng cấp đường từ Quốc lộ 28 (thôn Nam Cường) đi thôn Nam Thuận, xã Nam Đà	Xã Nam Đà	Nâng cấp 2,5km đường giao thông nông thôn, cấp A	236/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	8.500	3.930			8.500	3.930	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMBĐT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 190/NQ-HĐND ngày 18/12/2023			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMBĐT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
4.3.4	Đường giao thông từ xã Nam Đà đi xã Đăk Drô	Xã Nam Đà, Đăk Drô		1746/QĐ-UBND ngày 23/11/2020	20.000	692			20.000	692	
4.3.5	Đường tránh thao trường và tái định canh cho hộ gia đình bị giải toả xây dựng thao trường tổng hợp của lực lượng vũ trang tỉnh	Xã Đức Xuyên		83/QĐ-BQL ngày 18/5/2022	21.000	1.365			21.000	1.365	
4.3.6	Đường N6, Đ3 xã Đăk Nang	Xã Đăk Nang	Nâng cấp 850m đường giao thông.	237/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	2.500	2.500			2.500	2.500	
<b>4.4</b>	<b>Lĩnh vực Thủy lợi</b>				<b>21.742</b>	<b>11.660</b>	<b>-</b>	<b>179</b>	<b>21.742</b>	<b>11.839</b>	
4.4.1	Kênh nội đồng cánh đồng xã Đăk Drô	Xã Đăk Drô	1205,71m kênh	5068/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	3.404	3.064			3.404	3.064	
4.4.2	Nâng cấp tuyến kênh từ kênh chính vào khu tưới nhà ông Đoàn Văn Dự	Xã Đăk Nang	Nâng cấp, sửa chữa khoảng 1.200m kênh.	247/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	2.900	2.721		179	2.900	2.900	Bổ sung thêm kế hoạch vốn để bố trí đủ vốn cho công trình
4.4.3	Xây mới tuyến kênh 327, xã Đăk Nang	Xã Đăk Nang	Đầu tư khoảng 700m kênh.	253/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.800	1.000			1.800	1.000	
4.4.4	Hồ Đăk Lưu xã Tân Thành huyện Krông Nô	Xã Tân Thành		169/QĐ-BQL ngày 23/12/2021	9.438	675			9.438	675	
4.4.5	Kênh và công trình trên kênh cánh đồng bon K' Tăh	Xã Quảng Phú	Kênh và công trình phụ trợ 1,3km		4.200	4.200			4.200	4.200	
<b>4.5</b>	<b>Lĩnh vực hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể</b>				<b>60.000</b>	<b>18.779</b>	<b>7.658</b>	<b>-</b>	<b>60.000</b>	<b>11.121</b>	
4.5.1	Chi đền bù, giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện	Toàn huyện	Đền bù GPMB			804				804	
4.5.2	Dự án chỉnh trang khu dân cư đô thị phía sau tiệm vàng Hồng Bình	TT Đăk Mâm	Đền bù GPMB	3239/QĐ-UBND ngày 05/12/2018	1.156	18			1.156	18	
4.5.3	Trung tâm xã Đức Xuyên, hạng mục: Xây trụ sở HĐND&UBND xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên	Đền bù GPMB	2566/QĐ-UBND ngày 23/9/2020	1.297	62			1.297	62	
4.5.4	Trung tâm cụm xã Đăk Nang, hạng mục: Giải phóng mặt bằng khuôn viên trụ sở HĐND & UBND xã Đăk Nang	Xã Đăk Nang	Đền bù GPMB	5273/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	2.512	2.503			2.512	2.503	
4.5.5	Trụ sở HĐND & UBND huyện Krông Nô, Hạng mục: Cải tạo trụ sở làm việc và công trình phụ trợ	TT Đăk Mâm	Cải tạo nhà làm việc và công trình phụ trợ	2821/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	2.434	2.434			2.434	2.434	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMBĐT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 190/NQ-HĐND ngày 18/12/2023			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMBĐT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
4.5.6	Chỉnh trang khu dân cư đô thị (khu vực nhà ống Cát)	TT Đăk Mâm	Bồi thường giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng và đường giao thông	193/NQ-HĐND ngày 19/12/2022	33.300	8.830	3.530		33.300	5.300	Chuyển sang bổ trí từ nguồn ứng Quỹ Bảo vệ môi trường và Phát triển đất tỉnh tại QĐ số 777/QĐ-UBND ngày 01/7/2024 của UBND tỉnh
4.5.7	Trung tâm xã Đứk Xuyên	Xã Đứk Xuyên	Bồi thường giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng và đường giao thông	190/NQ-HĐND ngày 19/12/2022	9.000	2.000	2.000		9.000		Chuyển sang bổ trí từ nguồn ứng Quỹ Bảo vệ môi trường và Phát triển đất tỉnh tại QĐ số 777/QĐ-UBND ngày 01/7/2024 của UBND tỉnh
4.5.8	Trung tâm xã Đăk Nang	Xã Đăk Nang	Bồi thường giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, đường giao thông và điện sinh hoạt	191/NQ-HĐND ngày 19/12/2022	10.300	2.128	2.128		10.300		Chuyển sang bổ trí từ nguồn ứng Quỹ Bảo vệ môi trường và Phát triển đất tỉnh tại QĐ số 777/QĐ-UBND ngày 01/7/2024 của UBND tỉnh
<b>4.6</b>	<b>Chỉ đầu tư khác</b>				<b>5.790</b>	<b>5.577</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.790</b>	<b>5.577</b>	
4.6.1	San lấp mặt bằng các khu vực khai thác quỹ đất (khu vực cánh đồng La Trao)	Toàn huyện	San lấp mặt bằng khoảng 27.146m <sup>2</sup> và xây dựng hệ thống thoát nước bằng bê tông cốt thép dài khoảng 95m	128/NQ-HĐND ngày 10/8/2021	2.745	2.503			2.745	2.503	
4.6.2	Hỗ trợ làm đường GTNT trên địa bàn các xã, thị trấn	Toàn huyện			2.000	2.000			2.000	2.000	
4.6.3	Cụm công nghiệp huyện Krông Nô	Xã Đăk Drô	Đền bù GPMB	3224/QĐ-UBND ngày 15/12/2020	1.045	1.045			1.045	1.045	
4.6.4	Đổi ứng Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững)	Các xã, thị trấn				29				29	
<b>4.7</b>	<b>Lĩnh vực quy hoạch</b>				<b>1.911</b>	<b>1.911</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.911</b>	<b>1.911</b>	
4.7.1	Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Krông Nô	Toàn huyện	Quy hoạch SD đất cấp huyện	3173/QĐ-UBND ngày 9/12/2021	1.911	1.911			1.911	1.911	
<b>4.8</b>	<b>Lĩnh vực kiến thiết thị chính</b>				<b>80.000</b>	<b>38.500</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>80.000</b>	<b>38.500</b>	
4.8.1	Chỉnh trang hệ thống vỉa hè, hệ thống thoát nước tại các tuyến đường nội thị trấn Đăk Mâm	TT Đăk Mâm	TT Đăk Mâm	98/NQ-HĐND ngày 29/7/2022	10.000	5.500			10.000	5.500	Giám KHV do giám thầu, chi phí dự phòng
4.8.2	Hoa viên khu vực bờ hồ trung tâm thị trấn Đăk Mâm	TT Đăk Mâm			70.000	33.000			70.000	33.000	(vốn bồi thường bằng đất khu vực cánh đồng La Trao 33 tỷ đồng)
<b>4.9</b>	<b>Lĩnh vực điện</b>				<b>4.000</b>	<b>744</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.000</b>	<b>744</b>	
4.9.1	Đường dây trung áp, hạ áp cấp điện cho thôn Phú Thịnh, xã Đăk Nang	Xã Đăk Nang	2,2km đường dây trung áp, 1,5km đường dây hạ áp và 2 trạm biến áp	2541/QĐ-UBND ngày 30/9/2022	4.000	744			4.000	744	Giám KHV do giám thầu, chi phí dự phòng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMBĐT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 190/NQ-HĐND ngày 18/12/2023			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMBĐT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
4.10	<b>Lĩnh vực bảo vệ môi trường</b>				3.000	2.000	-	1.000	3.000	3.000	
4.10.1	Nâng cấp mở rộng bãi rác tại Bãi chôn lấp, xử lý rác thải rắn huyện Krông Nô	TT Đắk Mâm	Bãi chôn lấp, xử lý rác thải rắn huyện Krông Nô với diện tích khoảng 1,5ha.		3.000	2.000		1.000	3.000	3.000	Bổ sung KH vốn để bố trí đủ vốn cho công trình
<b>III</b>	<b>NGUỒN TĂNG THU, TIẾT KIỆM CHI VÀ TÌNH HỖ TRỢ</b>				<b>61.800</b>	<b>48.018</b>	<b>1.794</b>	<b>1.794</b>	<b>64.300</b>	<b>48.018</b>	
<b>1</b>	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025</b>				<b>64.300</b>	<b>48.018</b>	<b>1.794</b>	<b>1.794</b>	<b>64.300</b>	<b>48.018</b>	
1.1	<b>Lĩnh vực giáo dục và đào tạo</b>				<b>48.300</b>	<b>38.515</b>	<b>1.794</b>	<b>1.794</b>	<b>48.300</b>	<b>38.515</b>	
1.1.1	Trường TH Hoàng Diệu	Xã Nam Đà	Nâng cấp, mở rộng sân trường	250/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.000	970			1.000	970	
1.1.2	Trường THCS Năm N'Dir	Xã Năm N'Dir	Nâng cấp, mở rộng nhà lớp học 8 phòng 2 tầng	211/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	5.000	4.087			5.000	4.087	
1.1.3	Trường THCS Năm Nung	Xã Năm Nung	Nâng cấp, mở rộng tường rào, nhà vệ sinh	1379/QĐ-UBND ngày 29/4/2022	1.000	900			1.000	900	
1.1.4	Trường THCS Đắk Nang	Xã Đắk Nang	Nâng cấp, mở rộng nhà lớp học 6 phòng 2 tầng	230/QĐ-UBND ngày 18/01/2022	5.000	2.301			5.000	2.301	
1.1.5	Trung tâm chính trị	Thị trấn Đắk Mâm	Kè chống sạt lở và nâng cấp mở, rộng sân bê tông	200/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.500	1.481			1.500	1.481	
1.1.6	Trường TH và THCS Nguyễn Việt Xuân	Xã Buôn Choah	Nâng cấp, mở rộng nhà lớp học 6 phòng 2 tầng	248/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	4.000	4.000			4.000	4.000	
1.1.7	Trường TH Võ Thị Sáu	Xã Đắk Nang	Nâng cấp, mở rộng nhà lớp 8 phòng 2 tầng	231/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	4.000	4.000			4.000	4.000	
1.1.8	Trường MN Vàng Anh	xã Nam Xuân	Nâng cấp, mở rộng nhà lớp 6 phòng 2 tầng	1531/QĐ-UBND ngày 26/5/2022	5.000	4.807			5.000	4.807	
1.1.9	Trường MN Hướng Dương	Xã Tân Thành	Nâng cấp, mở rộng tường rào, sân trường	227/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.000	1.000			1.000	1.000	
1.1.10	Trường TH Bé Văn Đàn (phân hiệu Phú Hòa)	Xã Quảng Phú	Nâng cấp, mở rộng cổng, tường rào	249/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.000	1.000			1.000	1.000	
1.1.11	Trường TH Bé Văn Đàn (phân hiệu Phú Hòa)	Xã Quảng Phú	Nâng cấp, mở rộng nhà hiệu bộ	228/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	2.500	2.500			2.500	2.500	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMBĐT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 190/NQ-HĐND ngày 18/12/2023			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMBĐT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
1.1.12	Trường tiểu học Kim Đồng	Xã Năm N'Dir	Bể bơi và nhà vòm bảo vệ	2338/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	1000	330			1.000	330	
1.1.13	Trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	Xã Quảng Phú	Bể bơi và nhà vòm bảo vệ	2339/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	1.000	358			1.000	358	
1.1.14	Trường THCS Năm Nung, hạng mục: Tường rào	Xã Năm Nung	Tường rào	192/NQ-HĐND ngày 19/12/2022	1.200	1.200			1.200	1.200	
1.1.15	Trường THCS Nam Đà	Xã Nam Đà	Nhà đa năng		4.500	4.321			4.500	4.321	
1.1.16	Trường TH Phan Bội Châu (phân hiệu 38)	Xã Năm N'Dir	Nhà lớp học 2 phòng		1.600	1.600	1.600		1.600	0	
1.1.17	Trường TH Lê Văn Tám (Điểm chính)	Xã Năm Nung	Nhà lớp học 08 phòng, 2 tầng.		4.500	3.400	194		4.500	3.206	Giảm KH vốn do bố trí tăng thêm từ nguồn thu tiền sử dụng đất
1.1.18	Trường tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai, hạng mục: Bể bơi và nhà vòm bảo vệ	Xã Nam Đà	Bể bơi và nhà vòm bảo vệ	2192/QĐ-UBND ngày 04/8/2023	1.000	260			1.000	260	
1.1.19	Trường tiểu học Trần Quốc Toàn	Xã Tân Thành	Nhà hiệu bộ		2.500			1.794	2.500	1.794	Tăng danh mục do cáoong trình cấp thiết cần đầu tư
<b>1.2</b>	<b>Lĩnh vực Văn hóa</b>				<b>4.000</b>	<b>3.000</b>	-	-	<b>4.000</b>	<b>3.000</b>	
1.2.1	Công chào điện tử, công hoa trang trí, cụm đèn led trang trí khu vực thị trấn Đắk Mâm	TT Đắk Mâm	Xây dựng 01 công chào điện tử; 03 công hoa, 02 cụm đèn led trang trí	90/NQ-HĐND ngày 29/7/2022	4.000	3.000			4.000	3.000	Lồng ghép với nguồn ngân huyện
<b>1.3</b>	<b>Lĩnh vực kiến thiết thị chính</b>				<b>10.000</b>	<b>4.500</b>	-	-	<b>10.000</b>	<b>4.500</b>	
1.3.1	Chỉnh trang hệ thống vỉa hè, hệ thống thoát nước tại các tuyến đường nội thị trấn Đắk Mâm	TT Đắk Mâm	Nâng cấp, cải tạo 02km vỉa hè và điện chiếu sáng đô thị.	98/NQ-HĐND ngày 29/7/2022	10.000	4.500			10.000	4.500	Lồng ghép với nguồn thu tiền sử dụng đất
<b>1.4</b>	<b>Chi đầu tư khác</b>				-	<b>3</b>	-	-	-	<b>3</b>	
1.4.1	Đôi ứng Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững)	TT Đắk Mâm				3				3	
<b>1.5</b>	<b>Lĩnh vực hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể</b>				-	<b>2.000</b>	-	-	<b>2.000</b>	<b>2.000</b>	



STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMBĐT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 190/NQ-HĐND ngày 18/12/2023			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMBĐT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
1.5.1	Sửa chữa trụ sở làm việc của Ban Dân vận, MTTQ và các đoàn thể huyện Krông Nô (tại địa chỉ mới)	TT Đắk Mâm		2940/QĐ-UBND ngày 09/10/2023	2.000	2.000			2.000	2.000	
IV	<b>NGUỒN VỐN TỈNH HỖ TRỢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN ĐẢM BẢO CƠ SỞ VẬT CHẤT CHO LỰC LƯỢNG CÔNG AN XÃ CHÍNH QUY THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 54/NQ-HĐND NGÀY 10/11/2022</b>				<b>30.500</b>	<b>15.000</b>	-	-	<b>30.500</b>	<b>15.000</b>	
1	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025</b>				<b>30.500</b>	<b>15.000</b>	-	-	<b>30.500</b>	<b>15.000</b>	
1.1	<b>Lĩnh vực An ninh - Quốc phòng</b>				<b>30.500</b>	<b>15.000</b>	-	-	<b>30.500</b>	<b>15.000</b>	
1.1.1	Trụ sở làm việc Công an xã Nam Đà	Xã Nam Đà	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	2369/QĐ-UBND ngày 21/8/2023	3.500	1.500			3.500	1.500	Lồng ghép với nguồn tỉnh phân cấp: 2.000 triệu đồng
1.1.2	Trụ sở làm việc Công an xã Nam Xuân	Xã Nam Xuân	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	2582/QĐ-UBND ngày 13/9/2023	3.500	1.500			3.500	1.500	Lồng ghép với nguồn tỉnh phân cấp: 2.000 triệu đồng
1.1.3	Trụ sở làm việc công an xã Buôn Choah	Xã Buôn Choah	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	2702/QĐ-UBND ngày 27/9/2023	3.500	1.500			3.500	1.500	Lồng ghép với nguồn tỉnh phân cấp: 2.000 triệu đồng
1.1.4	Trụ sở làm việc công an xã Quảng Phú, hạng mục: Sửa chữa, cải tạo.	Xã Quảng Phú	Sửa chữa, cải tạo.	93/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	1.500	800			1.500	800	Lồng ghép với nguồn tỉnh phân cấp: 2.000 triệu đồng
1.1.5	Trụ sở làm việc Công an xã Tân Thành (giai đoạn 2), hạng mục: Nhà ở doanh trại, bếp ăn tập thể, kho vật chứng	Xã Tân Thành	Các hạng mục còn thiếu theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	92/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	700	700			700	700	
1.1.6	Trụ sở làm việc Công an xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	86/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	3.500	1.500			3.500	1.500	Lồng ghép với nguồn tỉnh phân cấp: 2.000 triệu đồng
1.1.7	Trụ sở làm việc Công an xã Đắk Sôr	Xã Đắk Sôr	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	89/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	3.500	1.500			3.500	1.500	Lồng ghép với nguồn tỉnh phân cấp: 2.000 triệu đồng
1.1.8	Trụ sở làm việc Công an xã Năm N'Dir	Xã Năm N'Dir	Bồi thường giải phóng mặt bằng và các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	85/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	4.300	1.500			4.300	1.500	Lồng ghép với nguồn tỉnh phân cấp: 2.000 triệu đồng
1.1.9	Trụ sở làm việc Công an xã Đắk Nang	Xã Đắk Nang	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	84/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	3.500	1.500			3.500	1.500	Lồng ghép với nguồn tỉnh phân cấp: 2.000 triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMBĐT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 190/NQ-HĐND ngày 18/12/2023			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMBĐT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
1.1.10	Trụ sở làm việc Công an xã Đăk Drô, hạng mục: Công vào trụ sở; mở rộng sân bê tông; nhà để xe và đường nội bộ	Xã Đăk Drô	Các hạng mục còn thiếu theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	84/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	1.500	1.500			1.500	1.500	
1.1.11	Trụ sở làm việc Công an xã Năm Nung		Các hạng mục còn thiếu theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	84/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	1.500	1.500			1.500	1.500	
<b>V</b>	<b>NGUỒN VỐN KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI TỈNH BỔ SUNG TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 219/QĐ-UBND NGÀY 04/3/2024</b>				-	-	-	<b>28.600</b>	<b>28.600</b>	<b>28.600</b>	
<b>1</b>	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025</b>				-	-	-	<b>28.600</b>	<b>28.600</b>	<b>28.600</b>	
<b>1.1</b>	<b>Lĩnh vực thủy lợi</b>				-	-	-	<b>28.600</b>	<b>28.600</b>	<b>28.600</b>	
1.1.1	Khắc phục tình trạng sạt lở khu dân cư vùng trọng điểm lương thực dọc suối Đăk Nang	Xã Đăk Nang		692/QĐ-UBND ngày 22/3/2024				26.600	26.600	26.600	
1.1.2	Khắc phục sạt lở tại hồ thị trấn Đăk Mâm	TT Đăk Mâm		696/QĐ-UBND ngày 22/3/2024				2.000	2.000	2.000	
<b>VI</b>	<b>NGUỒN ỨNG QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẤT TỈNH</b>				<b>85.100</b>	<b>72.142</b>	-	<b>7.658</b>	<b>85.100</b>	<b>79.800</b>	
<b>1</b>	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025</b>				<b>85.100</b>	<b>72.142</b>	-	<b>7.658</b>	<b>85.100</b>	<b>79.800</b>	
<b>1.1</b>	<b>Lĩnh vực hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể</b>				<b>85.100</b>	<b>72.142</b>	-	<b>7.658</b>	<b>85.100</b>	<b>79.800</b>	
1.1.1	Trung tâm xã Nam Đà		Bồi thường giải phóng mặt bằng, san lấp, đường giao thông và điện sinh hoạt		32.500	32.500			32.500	32.500	
4.5.6	Chỉnh trang khu dân cư đô thị (khu vực nhà ông Cát)	TT Đăk Mâm	Bồi thường giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng và đường giao thông	193/NQ-HĐND ngày 19/12/2022	33.300	24.470		3.530	33.300	28.000	Bổ sung KH vốn từ nguồn ứng Quỹ Bảo vệ môi trường và Phát triển đất tỉnh tại QĐ số 777/QĐ-UBND ngày 01/7/2024 của UBND tỉnh
4.5.7	Trung tâm xã Đứk Xuyên	Xã Đứk Xuyên	Bồi thường giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng và đường giao thông	190/NQ-HĐND ngày 19/12/2022	9.000	7.000		2.000	9.000	9.000	Bổ sung KH vốn từ nguồn ứng Quỹ Bảo vệ môi trường và Phát triển đất tỉnh tại QĐ số 777/QĐ-UBND ngày 01/7/2024 của UBND tỉnh
4.5.8	Trung tâm xã Đăk Nang	Xã Đăk Nang	Bồi thường giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, đường giao thông và điện sinh hoạt	191/NQ-HĐND ngày 19/12/2022	10.300	8.172		2.128	10.300	10.300	Bổ sung KH vốn từ nguồn ứng Quỹ Bảo vệ môi trường và Phát triển đất tỉnh tại QĐ số 777/QĐ-UBND ngày 01/7/2024 của UBND tỉnh
<b>Vii</b>	<b>DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẤP THIẾT ĐẦU TƯ NHƯNG CHƯA CÂN ĐỐI ĐƯỢC NGUỒN VỐN</b>				<b>310.070</b>	-	<b>5.000</b>	-	<b>305.070</b>	-	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMBĐT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 190/NQ-HĐND ngày 18/12/2023			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMBĐT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
<b>1</b>	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025</b>				<b>310.070</b>	<b>-</b>	<b>5.000</b>	<b>-</b>	<b>305.070</b>	<b>-</b>	
<b>1.1</b>	<b>Lĩnh vực giáo dục và đào tạo</b>				<b>33.100</b>	<b>-</b>	<b>5.000</b>	<b>-</b>	<b>28.100</b>	<b>-</b>	
1.1.1	Trường MN Vàng Anh	Xã Nam Xuân	Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng		4.000				4.000		
1.1.2	Trường TH Ngô Gia Tự	Xã Tân Thành	Nhà hiệu bộ		2.500				2.500		
1.1.3	Trường THCS Tân Thành	Xã Tân Thành	04 phòng học bộ môn và thư viện		4.000				4.000		
1.1.4	Trường THCS Năm Nung	Xã Năm Nung	Nhà đa năng		3.500				3.500		
1.1.5	Trường THCS Quảng Phú	Xã Quảng Phú	Nhà hiệu bộ		2.500		2.500		-		Giám do công trình đã được UBND xã Quảng Phú đầu tư từ nguồn CTMTQG xây dựng nông thôn mới
1.1.6	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	Xã Quảng Phú	Nâng cấp, mở rộng nhà hiệu bộ		2.500				2.500		
1.1.7	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	Xã Nam Xuân	Nâng cấp, mở rộng nhà hiệu bộ		2.500				2.500		
1.1.8	Trường TH Trần Phú	TT Đăk Mâm	Nhà hiệu bộ		2.500				2.500		
1.1.9	Trường tiểu học Trần Quốc Toàn	Xã Tân Thành	Nhà hiệu bộ		2.500		2.500		-		Giám do cân đối được nguồn vốn
1.1.10	Trường Mầm Non Anh Đào (Phân hiệu Buôn Dru)	TT Đăk Mâm	Nhà lớp học 02 phòng		1.600				1.600		
1.1.11	Trường Mầm non Hoa Pơ Lang (Điểm chính)	Xã Năm Nung	Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng		5.000				5.000		
<b>1.2</b>	<b>Lĩnh vực giao thông</b>				<b>178.030</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>178.030</b>	<b>-</b>	
1.2.1	Đường giao thông thôn Phú Lợi đến điểm quy hoạch dân cư số 2	Xã Quảng Phú	2,8 Km mặt đường láng nhựa		8.000				8.000		
1.2.2	Đường quy hoạch nối giữa N15 đi Đ17	TT Đăk Mâm	0,5km		6.000				6.000		
1.2.3	Đường Cao Sơn đi thôn Nam Tiến	xã Buôn Chơáah	BT 0,82 km, nền đường rộng 6m, mặt đường 3,5m		2.000				2.000		
1.2.4	Đường tránh lũ xã Buôn Chơáah	xã Buôn Chơáah	BT 3,2 km, nền đường rộng 6m, mặt đường 3,5m		5.000				5.000		
1.2.5	Đường tránh thao trường diễn tập của lực lượng vũ trang tỉnh nối khu tái định canh xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên	Nhựa hóa 5,582km, nền đường rộng 6m, mặt đường rộng 3,5m		20.000				20.000		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMBĐT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 190/NQ-HĐND ngày 18/12/2023			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMBĐT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
1.2.6	Đường chính khu vực Đ11e	TT Đắk Mâm	0,367 km đường đô thị		5.000				5.000		
1.2.7	Đường giao thông liên khu vực Đ7	TT Đắk Mâm	1,88km đường đô thị		20.000				20.000		
1.2.8	Đường giao thông liên khu vực Đ10e	TT Đắk Mâm	1,130km đường đô thị		15.000				15.000		
1.2.9	Đường giao thông liên khu vực Đ10c, Đ10d	TT Đắk Mâm	2,425km đường đô thị		30.000				30.000		
1.2.10	Nâng cấp đường Nam Đà đi Ba Buôn Đắk Mâm (ĐH61)	Xã Nam Đà, TT Đắk Mâm	4,3km đường giao thông		15.000				15.000		
1.2.11	Nâng cấp đường Quốc lộ 28 đi thôn 2, xã Quảng Phú (ĐH63)	Xã Quảng Phú	6km đường giao thông		20.000				20.000		
1.2.12	Đường thôn Phú Thịnh, xã Đắk Nang (khu vực người dân sáng chỉ)	Xã Đắk Nang	900m đường giao thông		2.000				2.000		
1.2.13	Nâng cấp đường giao thông từ Quốc lộ 28 đi tỉnh lộ 3	Xã Nam Đà	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng 2,5km đường nhựa		6.500				6.500		
1.2.14	Các tuyến đường tuần tra bảo vệ rừng	Nam Đà, Buôn Choah	6 km đường		7.000				7.000		
1.2.15	Cầu thôn Nam Thắng, xã Nam Đà tại Km0+800, tuyến đường huyện Nam Đà đi tỉnh lộ 3 (ĐH61)	Xã Nam Đà			16.530				16.530		
<b>1.3</b>	<b>Lĩnh vực cấp, thoát nước</b>				<b>11.558</b>	-	-	-	<b>11.558</b>		
1.3.1	Nâng cấp công trình cấp nước tập trung thôn Cao Sơn	Xã Buôn Choah	256 hộ		4.658				4.658		
1.3.2	Nâng cấp công trình sinh hoạt thôn Đắk Ri	Tân Thành	120 hộ		3.900				3.900		
1.3.3	Cấp nước tập trung thôn Nam Sơn	Xã Nam Xuân	Cấp nước cho 160 hộ		3.000				3.000		
<b>1.4</b>	<b>Lĩnh vực Thủy lợi</b>				<b>24.534</b>	-	-	-	<b>24.534</b>		
1.4.1	Cống tiêu qua kênh tiêu cánh đồng Đăk Rền, xã Năm N'Đir	Năm N'Đir	03 cống tiêu		950				950		
1.4.2	Nạo vét hệ thống kênh tiêu cánh đồng Đăk Rền, xã Năm N'Đir	Xã Năm N'Đir	3000m		3.200				3.200		
1.4.3	Thủy lợi hồ Đắk Na 1 (Khu làng Dao)	Xã Tân Thành	Đập (hồ chứa)		7.000				7.000		
1.4.4	Nạo vét kênh tiêu cánh đồng Buôn Lang, Quảng Phú	Xã Quảng Phú	950m		2.100				2.100		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMBĐT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 190/NQ-HĐND ngày 18/12/2023			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMBĐT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
1.4.5	Nâng cấp kênh đất cánh đồng xã Nam Xuân	Xã Nam Xuân	1500m		2.184				2.184		
1.4.6	Trạm bơm điện cánh đồng xã Nam Xuân	Xã Nam Xuân	Một trạm bơm		4.900				4.900		
1.4.7	Nâng cấp kênh chính và kênh đất cánh đồng thôn Bình Giang, xã Buôn Choah	Xã Buôn Choah	Nâng cấp 2.000m kênh		4.200				4.200		
<b>1.5</b>	<b>Lĩnh vực Văn hóa - Thể thao</b>				<b>44.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>44.000</b>	<b>-</b>	
1.5.1	Trung tâm VH TT huyện Krông Nô	TT Đăk Mâm	Nhà làm việc TTVH TT		12.000				12.000		
1.5.2	Khu liên hợp thể thao huyện	TT Đăk Mâm	Nhà thi đấu, sân quần vợt, sân bóng chuyền, cầu lông, hệ thống điện chiếu sáng..		12.000				12.000		
1.5.3	Sân vận động huyện Krông Nô	TT Đăk Mâm	Tổng diện tích 2,5 ha bao gồm khu vực khán đài, sân khấu ngoài trời, nhà vệ sinh, phòng thay đồ, cây xanh, điện chiếu sáng, hàng rào...		15.000				15.000		
1.5.4	Sân vận động huyện Krông Nô	TT Đăk Mâm	Bồi thường, giải phóng mặt bằng, san lấp khoảng 25.000m <sup>2</sup>		5.000				5.000		
<b>1.6</b>	<b>Lĩnh vực An ninh - Quốc phòng</b>				<b>18.350</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>18.350</b>	<b>-</b>	
1.6.1	Nâng cấp, sửa chữa thao trường bắn của lực lượng vũ trang huyện	Xã Đăk Drô	Lu lèn, mương thoát nước, hầm báo bia,...		1.000				1.000		
1.6.2	Đường vành đai nội bộ Ban chỉ huy quân sự huyện	Thị trấn Đăk Mâm	Đường bê tông dài 1km		1.500				1.500		
1.6.3	Kho vật chất khu căn cứ hậu phương của huyện	Nâm Nung			4.000				4.000		
1.6.4	Thao trường bắn của lực lượng vũ trang huyện	Xã Đăk Drô	Bồi thường giải phóng mặt bằng, nâng cấp, mở rộng thao trường bắn		11.850				11.850		
<b>1.7</b>	<b>Lĩnh vực nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp</b>				<b>498</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>498</b>	<b>-</b>	
1.7.1	Xây dựng nhà điều hành, kéo điện 3 pha và một số hạng mục khác để vườn ươm cây giống VNSAT hoàn thiện có thể hoạt động	Xã Đăk Drô			498				498		